

Số: 405/QĐ-UBND

An Hải, ngày 30 tháng 7 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn;  
thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách phường năm 2025

### ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG AN HẢI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 1669/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hải Phòng năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 thành phố Hải Phòng sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các cấp, các ngành, các đơn vị thành phố Hải Phòng sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường An Hải về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách phường năm 2025;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 08/TTr-KTHT&ĐT ngày 30/7/2025.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2025, như sau:

- Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 210.715 triệu đồng, trong đó:
  - Thu nội địa tính cân đối ngân sách: 17.230 triệu đồng.
  - Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang: 2.313 triệu đồng.
  - Thu bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố: 185.468 triệu đồng.
  - Cân đối từ nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên: 5.704 triệu đồng.



2. Dự toán thu ngân sách địa phương: 206.065 triệu đồng, trong đó:

- Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp: 12.580 triệu đồng.
- Thu chuyên nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang: 2.313 triệu đồng.
- Thu bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố: 185.468 triệu đồng.
- Cân đối từ nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên: 5.704 triệu đồng

3. Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025, như sau:

Tổng chi ngân sách địa phương: 206.065 triệu đồng, trong đó:

- Chi thường xuyên: 202.136 triệu đồng.

(Chi thường xuyên sau khi trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên: 196.432 triệu đồng).

- Chi dự phòng ngân sách: 3.929 triệu đồng.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

**Điều 2.** Phân bổ dự toán chi từ nguồn ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu và nguồn cải cách tiền lương, với số tiền 18.444,375 triệu đồng (Chi tiết tại Phụ lục gửi kèm).

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện

1. Đối với dự toán thu ngân sách nhà nước và cân đối thu, chi ngân sách địa phương:

Căn cứ dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2025 được giao tổ chức thực hiện các giải pháp đồng bộ, hiệu quả, phấn đấu hoàn thành và hoàn thành cao nhất nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2025.

2. Đối với dự toán chi ngân sách:

Dự toán chi thường xuyên đã bao gồm các khoản chi lương, phụ cấp theo lương, các khoản chi cho con người theo chế độ hiện hành, các khoản chi nghiệp vụ thường xuyên, chi thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, đề án... đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao của đơn vị.

Giao Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị hướng dẫn các phòng, ban, đơn vị được phân bổ sử dụng ngân sách tại Điều 1 Quyết định này tổ chức thực hiện, chịu trách nhiệm về thủ tục, hồ sơ, số liệu báo cáo; đồng thời quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí được phân bổ theo đúng qui định hiện hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Kho bạc nhà nước khu vực III và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- TT ĐU, TT HĐND phường;
- CT, các PCT UBND phường;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc phường;
- Lưu: VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Lương Thế Quý



## DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2025  
của UBND phường An Hải)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2
	<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>	<b>210.715</b>	<b>206.065</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>17.230</b>	<b>12.580</b>
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)		
2	Thu từ khu vực DNNN do cấp xã quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước (Chi tiết theo sắc thuế)ngoài		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)	3.790	985
5	Thuế thu nhập cá nhân	1.845	
6	Thuế bảo vệ môi trường		
7	Lệ phí trước bạ	6.890	6.890
8	Thu phí, lệ phí	520	520
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.260	3.260
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước		
12	Thu tiền sử dụng đất		
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
16	Thu khác ngân sách	105	105
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	820	820
<b>II</b>	<b>Thu viện trợ</b>		
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang</b>	<b>2.313</b>	<b>2.313</b>
<b>IV</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>185.468</b>	<b>185.468</b>
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	185.468	185.468
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên		
<b>V</b>	<b>Cân đối từ nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên</b>	<b>5.704</b>	<b>5.704</b>



## DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2025  
của UBND phường An Hải)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	B	I
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ</b>	<b>206.065</b>
<b>A</b>	<b>CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC</b>	<b>206.065</b>
	Trong đó:	
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	
1	Chi đầu tư cho các dự án	
	Trong đó:	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
1.2	Chi khoa học và công nghệ	
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	
1.4	Chi văn hóa thông tin	
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1.6	Chi thể dục thể thao	
1.7	Chi bảo vệ môi trường	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	
1.10	Chi bảo đảm xã hội	
2	Chi đầu tư phát triển khác	
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên (Trước trừ tiết kiệm 10% TX)</b>	<b>202.136</b>
	<i>Chi thường xuyên sau trừ tiết kiệm 10% chi TX</i>	<i>196.432</i>
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	128.083
2	Chi quốc phòng, an ninh và TTATXH	4.590
-	<i>Chi An ninh</i>	<i>3.604</i>
-	<i>Chi Quốc phòng</i>	<i>986</i>
3	Chi y tế, dân số và gia đình	3.625
4	Chi văn hóa thông tin	4.972
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	255
6	Chi thể dục thể thao	189
7	Chi bảo vệ môi trường	4.533
8	Chi sự nghiệp kinh tế	6.058
9	Chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể, HĐND	35.738
10	Chi bảo đảm xã hội	13.554
11	Chi thường xuyên khác	539
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>3.929</b>
<b>IV</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>	
<b>B</b>	<b>Chi viện trợ</b>	
<b>C</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu</b>	



## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG AN HẢI NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2025  
của UBND phường An Hải)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025
A	B	I
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG</b>	<b>206.065</b>
<b>I</b>	<b>Thu ngân sách phường được hưởng theo phân cấp</b>	<b>12.580</b>
-	Thu ngân sách phường hưởng 100%	11.595
-	Thu ngân sách phường hưởng từ các khoản thu phân chia	985
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>185.468</b>
-	Thu bổ sung cân đối	185.468
-	Thu bổ sung có mục tiêu	
<b>III</b>	<b>Thu kết dư</b>	
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>	<b>2.313</b>
<b>V</b>	<b>Tiết kiệm 10% chi thường xuyên</b>	<b>5.704</b>
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG</b>	
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách phường</b>	<b>206.065</b>
1	Chi đầu tư phát triển	
2	Chi thường xuyên	202.136
3	Dự phòng ngân sách	3.929
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
<b>II</b>	<b>Chi viện trợ</b>	
<b>III</b>	<b>Chi từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu</b>	
<b>IV</b>	<b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>	

## DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2025  
của UBND phường An Hải)

Đơn vị tính: Đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ													
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ ĐÀO NGHỀ	CHI QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ TTATXH	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ	CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ, HỒND	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI THƯỜNG XUYẾN KHÁC	TIẾT KIỆM 10% CHI TX	SỐ SAU KHI TRỪ TIẾT KIỆM	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>202.136.000.000</b>	<b>128.083.000.000</b>	<b>4.590.000.000</b>	<b>3.625.000.000</b>	<b>4.972.000.000</b>	<b>255.000.000</b>	<b>189.000.000</b>	<b>4.533.000.000</b>	<b>6.058.000.000</b>	<b>35.738.000.000</b>	<b>13.554.000.000</b>	<b>539.000.000</b>	<b>5.704.000.000</b>	<b>196.432.000.000</b>	
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư</b>															
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>202.136.000.000</b>	<b>128.083.000.000</b>	<b>4.590.000.000</b>	<b>3.625.000.000</b>	<b>4.972.000.000</b>	<b>255.000.000</b>	<b>189.000.000</b>	<b>4.533.000.000</b>	<b>6.058.000.000</b>	<b>35.738.000.000</b>	<b>13.554.000.000</b>	<b>539.000.000</b>	<b>5.704.000.000</b>	<b>196.432.000.000</b>	
1	Văn phòng Đảng ủy	2.790.628.000	-	-	-	-	-	-	-	-	2.790.628.000	-	-	-	-	
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường	1.024.988.000	-	-	-	-	-	-	-	-	1.024.988.000	-	-	-	-	
3	Văn phòng HĐND và UBND	38.482.334.670	-	3.815.299.500	83.800.000	4.454.600.000	62.650.000	94.500.000	993.061.792	4.676.084.000	20.183.867.018	3.987.997.360	130.475.000	-	-	
4	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	4.453.894.000	-	-	-	-	-	-	1.755.091.000	663.435.000	1.261.968.000	773.400.000	-	-	-	
5	Phòng Văn hoá - Xã hội	18.878.938.407	9.604.445.407	-	-	-	-	-	-	-	864.693.000	8.409.800.000	-	-	-	
6	Trung tâm phục vụ hành chính công	511.138.000	-	-	-	-	-	-	-	-	511.138.000	-	-	-	-	
7	Trung tâm sự nghiệp công	456.851.000	-	-	-	-	-	-	-	-	456.851.000	-	-	-	-	
8	Bảo hiểm xã hội cơ sở An Dương	3.500.000.000	-	-	3.500.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
9	Các Trường: Mầm non, Tiểu học, THCS	111.459.980.216	111.459.980.216	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Mầm non Hồng Thái	7.958.729.228	7.958.729.228	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Mầm non Đông Thái	10.522.292.500	10.522.292.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Mầm non An Đông I	12.840.231.411	12.840.231.411	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Mầm non An Đông II	8.264.177.000	8.264.177.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Tiểu học Hồng Thái	10.601.356.217	10.601.356.217	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Tiểu học Đông Thái	11.002.766.494	11.002.766.494	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Tiểu học An Đông	19.476.239.955	19.476.239.955	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	THCS Hồng Thái	8.830.518.000	8.830.518.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	THCS Đông Thái	10.179.973.508	10.179.973.508	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	THCS An Đông	11.783.695.903	11.783.695.903	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
10	Dự toán còn lại chưa phân bổ (các nhiệm vụ phát sinh, sửa chữa, đảm bảo điều kiện hoạt động của địa	20.577.247.707	7.018.574.377	774.700.500	41.200.000	517.400.000	192.350.000	94.500.000	1.784.847.208	718.481.000	8.643.866.982	382.802.640	408.525.000	5.704.000.000	14.873.247.707	

